

# TÌNH HÌNH TƯ HỮU RUỘNG ĐẤT Ở TIỀN GIANG nửa sau thế kỷ XIX

NGUYỄN PHÚC NGHIỆP \*

**T**rong nửa sau thế kỷ XIX, ruộng đất tư chiếm tuyệt đại đa số trong cơ cấu sở hữu ruộng đất ở Tiền Giang.

Theo quy định của Thống đốc Nam Kỳ năm 1882, những chủ sở hữu ruộng đất dưới 10 ha được gọi là sở hữu nhỏ (1). Ở Mỹ Tho, đến cuối thế kỷ XIX, có 19.125 chủ ruộng đất sở hữu dưới 10 ha (2). Qua đó, ta thấy rằng, thực dân Pháp vẫn cho phép sở hữu nhỏ tồn tại nhằm mục đích lôi kéo người nông dân bản xứ gắn kết với chế độ thực dân.

Tuy nhiên, điều mà chính quyền thực dân quan tâm nhiều nhất vẫn là sự phát triển những chủ sở hữu lớn, nhằm phục vụ cho việc xuất khẩu thóc gạo của chúng (3). Điều đó đã dẫn đến sự hình thành tầng lớp đại địa chủ.

*Sự hình thành tầng lớp đại địa chủ ở Tiền Giang.*

Về vấn đề này, tác giả Trần Ngọc Định viết: "Xuất phát từ những yêu cầu của thị trường thế giới về lúa gạo, và nhất là do những món lợi nhuận kếp xù trong việc xuất cảng lúa gạo thời thúc nên đế quốc Pháp chủ trương tăng cường vơ vét lúa gạo thật nhiều để xuất cảng. Song muốn đảm bảo cho việc vơ vét được nhiều lúa gạo để phục vụ cho xuất cảng, tất nhiên phải phát triển

chế độ sở hữu ruộng đất lớn, hay nói một cách cụ thể là cần phải tạo ra một tầng lớp đại địa chủ, sản xuất thật nhiều lúa gạo cho đế quốc Pháp" (4).

Hồi bấy giờ, ở Tiền Giang đã xuất hiện nhiều đại địa chủ, riêng trên địa bàn Mỹ Tho, đến cuối thế kỷ XIX, có 4.518 chủ ruộng có sở hữu từ 10 ha đến trên 1.000 ha, chiếm 2/3 diện tích ruộng đất tư của toàn tỉnh (5). Tầng lớp đại địa chủ ở Tiền Giang chủ yếu là người Việt, chỉ có 5 người mang quốc tịch Pháp (6). Sở dĩ có tình hình ấy là do, trong nửa đầu thế kỷ XIX, hầu hết đất đai ở Tiền Giang đã được khai phá và đưa vào sản xuất ổn định. Những đất đai ấy đã có chủ; cho nên, chính quyền thực dân không thể tự tiện cất đất, chuyển nhượng cho người Pháp được. Từ năm 1861, ở Tiền Giang, tầng lớp đại địa chủ được hình thành bằng các con đường sau đây:

- Thừa kế ruộng đất của cha mẹ vốn là đại địa chủ trước năm 1861; rồi sau đó họ mở mang thêm diện tích bằng cách kiêm tính ruộng đất của nông dân hoặc của các địa chủ bị phá sản. Tiêu biểu là hai đại địa chủ Dương Thị Hương và Trần Văn Học.

+ Bà Dương Thị Hương ở Gò Công, thừa kế 117 ha 68 a 49 ca ruộng từ cha mẹ bà là Dương

\* Trường Cao Đẳng Sư phạm Tiền Giang.

Tấn Bốn và Trần Thị Sanh. Năm 1865, bà kết hôn với Huỳnh Đình Ngươn. Từ đây, bà đã mua thêm 1.042 ha 65 a 10 ca ruộng và 47 ha 88 a 05 ca đất, tổng cộng là 1.090 ha 53 a 15 ca. Như vậy, số ruộng đất mà bà Hương mua thêm gấp 9 lần số ruộng đất mà bà được thừa kế. Tổng số ruộng đất bà Dương Thị Hương sở hữu là 1.208 ha 21 a 64 ca, trải dài trên 19 làng ở Gò Công. Ngoài ra, bà còn có một khối lượng tài sản rất lớn, tương đương 523 ha ruộng. Tuy nhiên, bà cũng cho các con của bà đứng bộ (đứng tên) một số ruộng đất mà bà đã mua, như Huỳnh Đình Hạo 84 ha 25 a 64 ca, Huỳnh Thị Ngõ 42 ha 9 a 49 ca, Huỳnh Thị Nữ 26 ha 17 a 28 ca, Huỳnh Thị Diêu 6 ha 51 a. Thực ra, số ruộng đất đó, bà Hương làm chủ hoàn toàn. Trong di chúc, bà đã ghi rõ điều đó: "Mấy sở ruộng và đất, hoặc con trai, con gái tôi mà tên nào có đứng bộ thì tôi cũng gộp lại mà chia cho đờ đồng vì nguyên là tiền bạc của tôi mua mà để tên chúng nó đứng bộ mà thôi" (7). Hiện nay chúng tôi chưa có tư liệu để lý giải vì sao bà Hương cho con bà đứng bộ một số ruộng đất do bà mua mà không được quyền thừa kế riêng. Trong khi đó, được biết, dưới thời Pháp thuộc ở Nam Bộ có hiện tượng phổ biến là khi đại địa chủ đã xuống tuổi và các con của họ đã lập gia đình thì các con đó được đứng bộ ruộng đất; và sẽ trở thành tài sản được kế thừa sau khi bố mẹ qua đời.

Số ruộng đất rất lớn mà bà Dương Thị Hương sở hữu ngoài phần được thừa kế, bà đã mua bằng các phương cách như sau:

*Thứ nhất*, mua từ các địa chủ bị phá sản. Có 37 địa chủ sở hữu từ 10 ha trở lên bán ruộng đất cho bà Hương với tổng diện tích là 1.038 ha 49 a 97 ca; trong đó có 2 đại địa chủ sở hữu hơn 100 ha, là Huỳnh Văn Tấn (122 ha 64 a 54 ca) và Nguyễn Thị Ở (108 ha 49 a 44 ca) (8). Theo lời kể của gia tộc thì việc bà Hương mua ruộng đất của Huỳnh Văn Tấn còn có ý nhằm để trả thù ông này đã hại chết Bình Tây đại tướng quân Trương Định; bởi vì, mẹ của bà là Trần Thị Sanh, sau khi ông Dương Tấn Bốn mất, đã tái giá với

Trương Định. Như vậy, Trương Định là cha dượng của bà Dương Thị Hương.

*Thứ hai*, mua từ các địa chủ do thiếu nợ, bị chính quyền phát mãi. Có 3 địa chủ bị phát mãi 34 ha 3 a ruộng đất và bà Hương đã mua được (9).

*Thứ ba*, mua từ các tiểu nông (loại sở hữu dưới 10 ha) do nợ nần phải bán số ruộng đất của mình. Trường hợp này có 8 người bán ruộng với tổng diện tích là 17 ha 73 a 18 ca.

+ Đại địa chủ thứ hai mà chúng tôi đề cập ở đây là Trần Văn Học ở làng Bình Cách (Chợ Gạo). Ông Học được thừa kế (kể cả phần hương hoá) 95 mẫu ruộng đất. Đến năm 1877, ông đã tậu thêm được 361 mẫu đất (10). Như vậy, số ruộng đất mà ông Học mua gấp 7 lần số ruộng đất được thừa kế, trải dài trên 8 làng ở Chợ Gạo (11).

Giống như bà Dương Thị Hương, ông Trần Văn Học cũng có các con mình đứng bộ một số ruộng đất do ông mua, như Trần Văn Thái đứng bộ 90 mẫu, Trần Văn Thịnh đứng bộ 21 mẫu. Thực ra, số ruộng đất đó đều thuộc quyền sở hữu của ông Trần Văn Học (12).

Số ruộng đất mà ông Học đã mua từ các nguồn sau đây:

*Thứ nhất*, mua từ các địa chủ bị phá sản. Đây là nguồn mua ruộng đất chủ yếu của ông Học. Trong số 22 trường hợp bán ruộng đất cho ông Học thì có đến 15 trường hợp mà người bán là địa chủ; với tổng diện tích là 322 mẫu; trong đó có 3 địa chủ sở hữu trên 40 mẫu, là ông Dương Văn Uy: 45 mẫu, ông Nguyễn Văn Huyền: 40 mẫu và ông Nguyễn Văn Giai: 40 mẫu (13).

*Thứ hai*, mua từ người tiểu nông. Có 6 người, do nợ nần, phải bán ruộng đất cho Trần Văn Học với tổng diện tích là 19 mẫu (14).

*Thứ ba*, mua từ ruộng công. Đó là việc hương chức làng Song Thạnh bán 20 mẫu ruộng công cho Trần Văn Học (15).

Như vậy, qua việc sở hữu ruộng đất rất lớn của hai địa chủ Dương Thị Hương và Trần Văn Học, ta thấy phần lớn đều có nguồn gốc mua từ các địa chủ bị phá sản. Điều đó chứng tỏ, trong nội bộ của giai cấp địa chủ đã có sự phân hoá sâu sắc. Tính đến cuối thế kỷ XIX, ở địa bàn Mỹ Tho, có 19 đại địa chủ sở hữu từ 300 đến trên 1.000 ha (16). Việc một số đại địa chủ thu tóm trong tay số lượng ruộng đất lớn đã làm cho tình hình phân phối ruộng đất và sản xuất nông nghiệp ở địa phương bị chi phối. Đồng thời, qua đó ta thấy, việc thu tóm ruộng đất của giới đại địa chủ ở Tiền Giang trong chừng mực nhất định có khác với đại địa chủ ở miền Tây Nam Bộ. Nếu như đại địa chủ ở Tiền Giang mở rộng diện tích ruộng đất chủ yếu bằng việc mua lại của các địa chủ bị phá sản thì ở miền Tây Nam Bộ, tầng lớp đại địa chủ hình thành chủ yếu là do việc chấp chiếm ruộng đất của tiểu nông thông qua việc cho vay nặng lãi và lợi dụng sự đói nát, mù chữ của người nông dân để lừa lọc cướp đất (17). Sở dĩ có sự khác biệt đó là vì, ở Tiền Giang, trước năm 1861, tư hữu ruộng đất lớn đã chiếm ưu thế trong cơ cấu sở hữu ruộng đất chung. Nói cách khác, Tiền Giang là vùng đất được khai phá từ rất sớm, số đại địa chủ chiếm tỷ lệ ruộng đất áp đảo so với người tiểu nông; Còn ở miền Tây Nam Bộ, tình hình diễn ra dường như ngược lại. Bởi vì dưới thời nhà Nguyễn, do thiếu nhân lực, nên việc khai hoang ở đây diễn ra chậm chạp (18); và vì thế tư hữu nhỏ giữ vị trí chủ đạo. Nhưng đến khi Pháp thuộc, do chính sách của bọn thực dân, nên người tiểu nông dần dần bị mất ruộng đất và thay vào đó là sở hữu lớn của đại địa chủ mới trở nên phổ biến (19).

Ngoài sự hình thành tầng lớp đại địa chủ như đã trình bày trên, ở Tiền Giang còn xuất hiện một loại đại địa chủ khác do chính sách chuyển nhượng ruộng đất của thực dân Pháp.

Chúng ta đã biết, Tiền Giang là một trong những trung tâm kháng chiến chống Pháp mạnh nhất ở Nam Kỳ trong nửa sau thế kỷ XIX. Và vì thế thực dân Pháp đã tập trung lực lượng, thủ

đoạn để đàn áp các cuộc nổi dậy của nhân dân nhằm "bình định" vùng đất này. Những người tham gia kháng chiến, một số đã anh dũng hy sinh trên chiến trường; một số khác phải rời khỏi quê hương để tránh sự truy nã gắt gao của Pháp. Do vậy mà số ruộng đất của họ đã bị chính quyền thực dân tịch thu.

Mặc dù các cuộc khởi nghĩa ở Tiền Giang lần lượt bị thất bại, nhưng nhân dân vẫn kiên quyết tỏ thái độ chống Pháp bằng phong trào "tỵ địa". Từ năm 1861, ở Tiền Giang có nhiều đoàn người rời làng quê của mình để kháng chiến hoặc sinh sống ở nơi khác. Số ruộng đất của họ cũng bị chính quyền thực dân chiếm đoạt.

Thêm vào đó hồi nửa đầu thế kỷ XIX, công cuộc khẩn hoang ở Tiền Giang tuy đã căn bản hoàn thành, nhưng còn một số nơi ở vùng sâu, vùng xa như vùng Đồng Tháp Mười, vùng duyên hải Tây Bắc Gò Công hãy còn hoang hoá, mà dân gian quen gọi là "Đám lá tới trời". Những đất đai ấy đều do chính quyền thực dân quản lý và phân phối.

Nắm trong tay một quỹ đất khá lớn, thực dân Pháp thực hiện chính sách chuyển nhượng cho những người có tiền của xin khai thác. Trên địa bàn Mỹ Tho đã cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu ruộng đất cho những người có đơn xin chuyển nhượng đất đai ở Đồng Tháp Mười (20). Riêng ở Gò Công, việc chuyển nhượng mãi đến năm 1927 mới hoàn thành (21). Thông thường, người xin chuyển nhượng ruộng đất không phải mất bất kỳ một khoản chi phí nào; mà chỉ cần phải tuân theo quy định là cứ mỗi năm phải khai thác 1/5 diện tích đã được chuyển nhượng và sau từ 3 đến 5 năm phải nộp thuế cho Nhà nước thuộc địa (22).

Diễn hình là việc chuyển nhượng quyền sở hữu ruộng đất ở cù lao Năm Thôn cho Đại úy Hải quân Tallefer (23).

Thấy con đường nhà binh không thể nào trở nên giàu có được, Tallefer xin rời quân ngũ và chuyển sang lĩnh vực kinh doanh. Năm 1864,

Taillefer lập kế hoạch xây dựng trạm bơm ở Mỹ Tho, dự định nắm độc quyền về thủy lợi và tiến tới việc cướp đất dọc theo kênh Bảo Định. Tuy nhiên, kế hoạch này trên thực tế đã không thực hiện được. Không dừng lại ở chỗ đó, năm 1866, Taillefer thành lập công ty trồng trọt và thủy lợi Nam Kỳ. Để cho công ty có điều kiện hoạt động, Taillefer gửi đơn lên viên Tham biện Mỹ Tho, xin được chuyển nhượng ruộng đất ở cù lao Năm Thôn, với lý do là dân ở cù lao này đã tản cư gần hết, chỉ còn 6 hộ, canh tác khoảng 36 ha (24).

Theo thủ tục, đơn của Taillefer được niêm yết tại dinh Tham biện Mỹ Tho suốt 3 tháng. Thời bấy giờ, người dân Năm Thôn không có điều kiện đi đến Mỹ Tho, lại không đọc được chữ Pháp và không am hiểu luật lệ của bọn thực dân. Cho nên, đơn xin chuyển nhượng ruộng đất của Taillefer được bọn cầm quyền Pháp ở Mỹ Tho dễ dàng chấp nhận. Năm 1867, Tham biện Mỹ Tho chính thức ra quyết định chuyển nhượng quyền sở hữu 300 ha ruộng đất ở cù lao Năm Thôn cho Taillefer. Số ruộng đất này tương đương 3.000 francs. Và mức thuế không đổi hàng năm là 3.180 francs (25). Có thể nói, đây là trường hợp đầu tiên ở Nam Bộ, người nông dân bị thực dân Pháp cướp ruộng đất một cách trắng trợn. Từ đó, bằng nhiều thủ đoạn thâm độc khác, Taillefer đã chiếm gần như toàn bộ diện tích ruộng đất ở cù lao Năm Thôn (26).

Sau Taillefer là đến lượt Huỳnh Văn Tấn và Trần Bá Lộc là hai tên Việt gian làm tay sai đắc lực cho Pháp.

Huỳnh Văn Tấn đã từng tham gia cuộc khởi nghĩa Trương Định. Năm 1862, ông ta đã phản bội, đầu thú giặc. Ngày 20-8-1864, Huỳnh Văn Tấn bí mật dẫn quân đến đánh úp nơi ở của Trương Định. Trong một trận chiến đấu vừa bất ngờ, vừa không cân sức, Trương Định đã anh dũng hy sinh (27). Sau đó, Huỳnh Văn Tấn còn tham gia đàn áp nhiều cuộc khởi nghĩa khác ở Nam Bộ.

Để ban thưởng công lao cho Tấn, ngoài việc phong chức Lãnh binh, thực dân Pháp còn cấp 122 ha 64 a 54 ca ruộng đất ở hai làng Vĩnh Trị và Vĩnh Thạnh thuộc Gò Công cho Tấn (28). Số ruộng đất này, nguyên là của những gia đình có người tham gia nghĩa quân Trương Định, bị bọn thực dân cướp đoạt (29). Tấn trở thành đại điền chủ, rất mực giàu sang nhờ công làm "khuyến mã" cho giặc, nên ông Nguyễn Liêng Phong đã mỉa mai:

*Ông Huỳnh Công Tấn ngôi cao,*

*May thay gặp vận như phao một hồi.*

*Trở thương ông Định vừa rồi,*

*Quốc gia trọng thưởng chức ngôi Lãnh binh*  
(30).

Với số ruộng đất đó, hàng năm, Tấn thu được hơn 300 đồng (31), tương đương với giá của 10 ha ruộng (32); hoặc 14 tấn thóc (33). Thế nhưng, do ăn chơi phung phí (34); nên dần dần bị phá sản; và đến năm 1871, phải bán toàn bộ số ruộng đất đó cho bà Dương Thị Hương (35).

Tên Việt gian thứ hai là Trần Bá Lộc. Lộc đã từng chỉ huy đàn áp các cuộc khởi nghĩa của Võ Duy Dương ở Đồng Tháp Mười, Trần Xuân Hoà và Tứ Kiệt ở Cai Lậy, Nguyễn Hữu Huân ở Chợ Gạo, ông Ong và ông Khả ở Cái Bè, Mai Xuân Thương ở Bình Thuận, Khánh Hoà. Đây là tên phản quốc hàng đầu khét tiếng gian ác làm tay sai cho thực dân Pháp khi chúng mới xâm lược nước ta.

Cũng giống như Huỳnh Văn Tấn, để thưởng công cho Trần Bá Lộc, thực dân Pháp đã phong cho y nhiều chức vị: Tri huyện, Tri phủ, Đốc phủ sứ, Tổng đốc, Ủy viên Hội đồng Tối cao Đông Dương. Bên cạnh đó, ông ta còn được ban cấp nhiều ruộng đất. Năm 1786, tên chủ đất Taillefer ở cù lao Năm Thôn bị thất bại nặng nề trong kinh doanh; nên phải giao toàn bộ diện tích ruộng đất của mình cho chính quyền thực dân để gán nợ. Số ruộng đất đó được chính quyền thực dân ban cấp cho Lộc khi hắn đang giữ chức Đốc phủ sứ Cái Bè (36).

Để mở rộng diện tích đất đai, Trần Bá Lộc đã dùng những thủ đoạn vô cùng tàn ác và thâm hiểm. Trước hết, ông ta cho đắp đập, ngăn tất cả các rạch lớn, nhỏ ở trên cù lao nối với sông Tiền, không cho nước chảy vào đồng ruộng của người sản xuất nhỏ. Nếu không phải là tá điền của Lộc thì không được đi ngang qua phần đất của Lộc, dù trên bờ hay dưới ruộng. Đồng thời, Lộc còn tập trung những người có ruộng đất trên cù lao để tra xét giấy chứng nhận quyền sở hữu của họ. Hồi bấy giờ, đa số nông dân không có giấy chứng nhận, nên họ buộc phải hiến hoặc bán ruộng đất cho Lộc với giá cực rẻ. Nhờ thế, chỉ trong một thời gian ngắn, Lộc đã có trong tay 750 ha ruộng đất. Và cũng từ đó nông dân ở cù lao Năm Thôn không còn ruộng cày cấy và phải làm tá điền cho tên đại Việt gian khét tiếng hung bạo Trần Bá Lộc (37).

Không dừng lại ở đó, sau khi hoàn thành hệ thống kênh đào - kênh Tổng đốc Lộc (năm 1897), với quyền thế trong tay, Lộc còn chiếm đoạt thêm nhiều đất đai ở Đồng Tháp Mười, nhất là ở vùng Hậu Mỹ, Thiên Hộ (Cái Bè) (38).

Sự hình thành và phát triển mạnh mẽ của giới đại địa chủ ở Tiền Giang đã dẫn đến sự phá sản hàng loạt của người nông dân; khiến họ phải trở thành tá điền, chịu sự bóc lột nặng nề của tầng lớp địa chủ.

### **Phương thức sử dụng ruộng đất của địa chủ ở Tiền Giang.**

Trên cơ sở những tài liệu hiện có, chúng tôi nhận thấy ở Tiền Giang, địa chủ đã có các phương thức sử dụng ruộng đất phổ biến như sau:

- *Chế độ "canh tác trực tiếp"*.

Theo thống kê của *Địa phương chí* tỉnh Mỹ Tho, cuối thế kỷ XIX có 17.225 sở ruộng được chủ điền trực tiếp canh tác với tổng diện tích là 31.096 ha, chiếm 33,8% tổng diện tích đất ruộng của toàn tỉnh (91.968 ha) (40), tính ra bình quân mỗi sở ruộng là khoảng 1,8 ha. Như vậy theo quy định của Thống đốc Nam Kỳ năm 1882 thì chỉ có những chủ sở hữu nhỏ áp dụng chế độ này.

Bởi vì nguồn nhân lực của từng gia đình có thể tự đảm đương được việc canh tác trên thửa ruộng của mình (41). Hơn nữa, "họ không muốn chịu những chi phí quá cao so với sản lượng thu hoạch trên những thửa ruộng đó một khi họ phải thuê thợ làm từng công đoạn trong quá trình công tác" (42).

- *Chế độ "quá điền" hay "bao tá"*: hầu như chỉ được áp dụng cho những đại địa chủ có diện tích lớn (43). Họ cho những người có khả năng nhất định về tài chính và quản lý, lĩnh canh ruộng đất. Loại này được gọi là tá điền chính hay người *bao tá*. Sau đó, *tá điền chính* lại phát canh số ruộng đất đó cho những người nghèo khổ hơn mình; và loại này được gọi là tá điền nhỏ hay *điền manh*. Người tá điền nhỏ có nghĩa vụ phải nộp tô cho tá điền chính theo quy định; và tá điền chính trích một phần địa tô đó nộp cho đại địa chủ theo sự thoả thuận giữa hai bên. Như vậy, người được hưởng lợi nhất vẫn là đại địa chủ rồi đến tá điền chính, còn tá điền nhỏ thì bị hai lần bóc lột, nên vô cùng cơ cực.

Những đại địa chủ áp dụng phương thức khai thác ruộng đất này là vì, "họ không muốn kiểu khai thác dần dà, cò con, với việc trực tiếp sử dụng tá điền nhỏ. Họ muốn nhanh chóng chứng minh rằng, điền sản của mình đã được canh tác có hiệu quả, tránh bị thu hồi về "quốc gia công điền, công thổ" như quy chế chính quyền đã ban hành đối với những ruộng đất chưa đưa vào "canh tác" (43); hoặc do "đại địa chủ không ở ngay tại ruộng thuộc quyền sở hữu của mình. Họ cần phải sử dụng một người đứng ra làm công việc quản lý cho họ. Đây là người quản lý chung (gérant général), cũng tức là người tá điền chính của họ (fermier lui-même)" (44).

Ở Mỹ Tho, đến cuối thế kỷ XIX, có 1.377 sở ruộng với tổng diện tích là 1.341 ha được khai thác theo phương thức này (45); chiếm 1,4% tổng diện tích toàn tỉnh.

- *Chế độ "làm ruộng rẽ"*: Phương thức này được chính quyền thực dân khuyến khích (46).

Theo đó, chủ ruộng và tá điền "hợp tác" cùng nhau để canh tác trên một diện tích không quá 5 ha (47), tức là đối với các tiểu địa chủ. Đến cuối thế kỷ XIX, ở Mỹ Tho có 11.839 sở ruộng với tổng diện tích là 33.381 ha được khai thác theo chế độ "làm ruộng rē", chiếm 36,3% tổng diện tích đất ruộng toàn tỉnh (48). Tính bình quân mỗi sở ruộng là 2,8 ha.

Chế độ "làm ruộng rē" quy định chủ ruộng phải ứng trước cho tá điền một số tiền và những dụng cụ cần thiết cho việc canh tác. Tá điền phải tiến hành cày cấy, chăm bón, trông nom ruộng đồng cho tới vụ thu hoạch; và hoàn lại số tiền được tạm ứng cho chủ ruộng theo lãi xuất hiện hành. Đến thời kỳ thu hoạch, sản phẩm sẽ chia đôi cho hai bên. Những phí tổn cho sản xuất coi như tương ứng với khoản tiền thuê ruộng (49).

- *Chế độ "sử dụng tá điền"*: Thực chất đây là hình thức phát canh thu tô của đại địa chủ. Cùng với chế độ "làm ruộng rē", chế độ sử dụng tá điền hay phát canh thu tô được thực dân Pháp ưu tiên phát triển (50). Bởi vì, như lời phát biểu của Toàn quyền Đông Dương De Lanessan, chế độ phát canh thu tô là "chế độ có lợi về mặt kinh tế nhất và là một chế độ chắc chắn nhất cho việc trồng trọt các loại cây cơ bản cũng như các loại cây công nghiệp. Đó là biện pháp tốt nhất để giành được thành quả lao động tối đa của người nông dân. Chế độ phát canh thu tô còn đưa lại một lợi ích to lớn nữa, đó là nó giảm được một phần vô cùng lớn những chi phí chung và những chi phí về việc giám sát của các nhà thực dân người Âu, những chi phí này ở thuộc địa lại lớn hơn rất nhiều so với ở nước Pháp" (51).

Ở Mỹ Tho, tổng diện tích ruộng đất mà địa chủ phát canh thu tô là 26.150 ha, chiếm 28,5% tổng diện tích đất ruộng của toàn tỉnh (52). Số ruộng đất đó được địa chủ cho tá điền thuê, cụ thể là: 1-3 năm: 25.098 ha; từ 3-6 năm: 719 ha; từ 6-9 năm: 258 ha; trên 9 năm: 75 ha (53).

Về phương thức thu tô, ở Tiền Giang, địa chủ thu tô hiện vật theo sản lượng, chứ không

theo diện tích phát canh. Theo đó, địa chủ được hưởng 2/3 hoa lợi; trong khi đó, tá điền chỉ được 1/3 mà thôi (54). Như vậy, mức địa tô phải nộp chiếm đến 67% hoa lợi. Bằng phương thức thu tô này, với 456 mẫu ruộng, đại địa chủ Trần Văn Học, hàng năm, thu được 5.820 giạ thóc (55); tương đương 134 tấn (56). Ngoài ra, đại địa chủ còn thu từ tá điền thêm những khoản phụ thu khác. Như ở Gò Công, cứ 2 ha ruộng phát canh thì đại địa chủ thu thêm 1 giạ gạo (23 kg), 2 giạ gạo lứt, 1 nan sấp (làm nển), 1 cặp vịt (vịt phải béo mập, mắt phải nháy nhanh để chứng tỏ vịt không bị bệnh) và 10 ngày làm công không cho địa chủ (57). Nếu gặp năm mất mùa, đến 50% thì địa chủ mới cho giảm địa tô 20% (58), mà đáng lẽ mức giảm phải là 50%.

Với phương thức phát canh thu tô, địa chủ ở Tiền Giang thu được lợi nhuận nhiều hơn hẳn so với các nơi khác. Bởi vì, nếu theo cách thuê nhân công thì 1 ha ruộng có sản lượng trung bình là 60 giạ thóc (59); giá 1 giạ thóc trung bình là 0,5 đồng (piastre) (60). Như vậy, tổng giá trị bằng tiền mặt của 1 ha ruộng là: 60 giạ x 0,5 đồng = 30 đồng. Tiền thuê mướn nhân công mất 25 đồng (61) (62). Do đó, chủ sở hữu chỉ thu được 0,5 đồng trên 1 ha (30 đồng - 25 đồng = 5 đồng) tương đương 10 giạ thóc. Trong khi đó, nếu đem phát canh thu tô, với tỷ suất 67% hoa lợi, địa chủ sẽ thu được 40 giạ thóc/ha, tương đương 20 đồng. Vì vậy, xu hướng chung của đại địa chủ là đem ruộng đất phát canh thu tô. Ở Mỹ Tho, đến cuối thế kỷ XIX có 26.150 ha ruộng đất được khai thác theo phương thức phát canh thu tô. Tính ra số địa tô là 1.046.000 giạ thóc, tương đương 24.058 tấn. Nếu mỗi người dân trung bình ăn hết 24 kg thóc mỗi tháng (63), thì số thóc đó đủ để nuôi 233.802 người dân Mỹ Tho (64) trong gần 5 tháng. Chế độ địa tô cao đã khiến cho người tá điền lâm vào tình cảnh sống dở, chết dở. Những năm mất mùa, toàn bộ hoa lợi không đủ để nộp cho địa chủ, đành phải vay nợ lãi, dẫu rằng lãi suất rất cao. Cuối cùng dẫn đến hậu quả là nông dân tá điền bị phá sản hoàn

toàn. Về thực trạng này, Việt Cúc trong quyển *Gò Công: Cảnh cũ, người xưa* viết: "Đây là bài toán chung của anh em làm ruộng muốn. Một tá điền muốn sở ruộng 3 mẫu, số lúa ruộng (tức số nộp cho địa chủ) là 180 gạ. Năm thuận mùa, sản xuất được 300 gạ, đong chủ điền, còn lại 120 gạ. Nhịn ăn, nhịn mặc, mới đủ số tiền cày cấy và tiêu dụng trọn năm. Gặp năm thất mùa, mất hết phân nửa, chỉ sản xuất còn có 150 gạ. Phải năn nỉ, cầu xin chế giảm, thì chủ điền mới giảm cho 20%. Thế là, 150 gạ phải đong hết cho chủ điền. Khi đong hết lúa rồi, không lẽ bỏ vợ con chết đói, mới đi vay số bạc của địa chủ, nhiều lắm là 200 đồng. Nhịn mua 100 gạ lúa, hết 80 đồng, để ăn; chỉ còn 120 đồng, nhịn nhục thế nào, cho đủ trả tiền bạn cày cấy và chi tiêu rần rần năm? Vậy là phải đi làm mướn, kiếm thêm tiền để sống."

Số tiền vay chịu lời 40%; mãn mùa, tá điền phải trả vốn lẫn lãi 280 đồng. Nếu thuận mùa, sau khi nộp lúa ruộng cho điền chủ, người tá điền còn lại 120 gạ đem bán hết, giá lúa 0,8 đồng 1 gạ; được số tiền là 96 đồng, làm sao trả đủ vốn lời số nợ 280 đồng.

Có nước cầu xin khẩn khoản, hẹn nợ qua năm nữa sẽ trả. Nhưng số nợ 280 đồng hoãn lại nó sẽ để thêm 112 đồng tiền lời nữa, cộng vốn và lời là 392 đồng. Tiền vay hai năm, lời vốn để ra, tá điền muốn thanh toán số nợ đó, phải có 500 gạ lúa mới trả nổi.

Hỏi làm sao tá điền có đủ số lúa đó? Tốt hơn là tá điền nên giao hết sự sản cho chủ điền. Một cái nhà và bốn con trâu được 370 đồng. Lại thiếu 22 đồng. Nhưng dù sao cũng yên được một mối. Xem thế, đủ biết cái nạn tá điền làm ruộng thất mùa một năm, nợ nần ba năm không trả nổi" (65).

Chế độ phát canh thu tô đã khiến cho giai cấp địa chủ ở Tiền Giang hàng năm thu được nguồn lúa gạo to lớn, cung cấp cho các thương gia người Pháp và người Hoa; để phục vụ cho chính sách xuất khẩu lúa gạo của chính quyền

thực dân Pháp. Và do đó đại địa chủ thu được những khoản tiền lớn "mang sử dụng vào những mục tiêu xa xỉ về nhà cửa, xe cộ, phương tiện sinh hoạt, làm người đỡ đầu cho các hội thể thao, vận động mua chức tước, gởi con cái đi du học những ngành nghề sau này sẽ xếp họ vào giai cấp cao hay tầng lớp thượng lưu trong xã hội (luật sư, bác sĩ, kỹ sư) hoặc đem cho vay nặng lãi để tiếp tục quá trình tích lũy; chứ không đầu tư vào phát triển sản xuất, cải thiện đời sống tá điền" (66). Như vậy, với phương thức phát canh thu tô, "giai cấp địa chủ không đóng vai trò gì tích cực trong việc phát triển nông nghiệp ở Nam Bộ" (67).

- Chế độ "thuê nhân công": Chế độ này chỉ được các địa chủ người Pháp áp dụng. Nhưng vì số lượng ít (chỉ có 5 người) (68); nên phương thức "thuê nhân công" không phổ biến bằng phương thức khai thác ruộng đất khác như đã trình bày.

Do chính sách bần cùng hoá nông dân của thực dân Pháp, nên nguồn nhân công ở Mỹ Tho rất dồi dào. Địa phương chí tỉnh Mỹ Tho năm 1902 cho biết: "Các địa chủ người Pháp có thể tìm tại chỗ các nhân công cần thiết để cày ruộng. Họ dễ dàng thuê nhân công ở các làng xã" (69). Thậm chí, ở Gò Công, nguồn nhân công dồi dào vượt mức cần thiết trong việc khai thác đất đai. Vì thế, một số phải rời quê hương, đến các tỉnh miền Tây Nam Bộ để tìm kiếm việc làm (70). Do nguồn nhân lực dư thừa nên giá nhân công rất rẻ mạt. Phần lớn được trả theo ngày công (lương công nhật) (71), nhưng cũng có nơi được trả lương theo tháng hoặc theo năm (72). Đây cũng là hình thức bóc lột giá trị thặng dư sức lao động của địa chủ đối với sức lao động của người nông dân (73).

Mặc dù chỉ phải trả tiền công rẻ mạt, nhưng các địa chủ người Pháp không những chỉ tìm cách cắt xén tiền lương mà còn thường xuyên đánh đập nhân công. Điều đó đã khiến cho nhân công bỏ đi hàng loạt (74). Vì thế, chính quyền thực dân tỉnh Mỹ Tho đã khuyến cáo các địa chủ người Pháp: "Chúng ta không nên đánh đập nhân

công cũng như không nên trừ căn vào tiền lương, cái mà nhân công rất nhạy cảm và gây nên việc họ bỏ đi tức thì. Tốt hơn là chúng ta thanh toán tiền bạc ngay tại chỗ cho nhân công. Chỉ có tỏ ra mềm mỏng với nhân công và có khi phải ứng trước tiền và gạo cần thiết cho họ thì chúng ta mới đạt kết quả tốt" (75). Điều đó cũng được phản ánh trong *Địa phương chí tỉnh Mỹ Tho năm 1902*: "Người địa chủ thực dân phải biết nắm người nhân công bản xứ; không được để cho thoát ra khỏi tầm kiểm soát và khỏi tầm mắt chúng ta" (76).

Với 5 phương thức khai thác ruộng đất được sử dụng ở Tiền Giang như đã trình bày ở trên, chúng tôi thấy phương thức "làm ruộng rẽ" (33.381 ha) và "canh tác trực tiếp" (31.096 ha) được sử dụng phổ biến nhất. Sở dĩ có tình hình

đó là vì, ruộng đất ở Tiền Giang bị chia nhỏ thích hợp với các tiểu chủ. Trong khi đó, chế độ "sử dụng tá điền" hay "phát canh thu tô" chỉ có giới đại địa chủ áp dụng.

\*

Tóm lại, tình hình tư hữu ruộng đất ở Tiền Giang hồi nửa sau thế kỷ XIX có hai loại: tư hữu nhỏ và tư hữu lớn; trong đó, tư hữu lớn của giai cấp địa chủ ngày càng lấn át tư hữu nhỏ của tiểu nông. Sự tập trung bao chiếm ruộng đất của giai cấp địa chủ trong chừng mực nhất định đã góp phần làm cho nền kinh tế hàng hoá phát triển. Tuy nhiên điều đó đã dẫn đến mâu thuẫn gay gắt giữa địa chủ với nông dân tá điền, ảnh hưởng đến quá trình sản xuất nông nghiệp ở Tiền Giang nửa sau thế kỷ XIX.

## CHÚ THÍCH

- (1)(33)(39)(41)(42)(43)(44)(46)(47)(49)(50)(51)(56)(60)(72)(73) Viện Sử học, *Nông dân và nông thôn Việt Nam thời Cận đại*. Hà Nội, 1992, tr. 14, 27, 24-40, 36, 32, 34, 26, 26, 26, 20, 25, 27, 27, 40.
- (2)(5)(16)(20)(23)(25)(36)(40)(45)(48)(52)(53)(64)(68)(69)(71)(74)(75)(76) *Monographie de la province de My Tho 1902*, tr. 43, 43, 81, 5, 4, 5, 46, 46, 46, 46, 83, 81, 82, 82, 82, 82, 82.
- (3) Huỳnh Lứa (Chủ biên). *Lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ*. Tp Hồ Chí Minh 1987, tr. 237.
- (4)(61)(63) Trần Ngọc Định: *Chế độ sở hữu ruộng đất lớn ở Nam Bộ thời kỳ Pháp thống trị*. Nghiên cứu Lịch sử, số 132, 1970, tr. 54, 87, 87.
- (6)(7)(8)(9)(28)(32)(35) Tờ tương phân ruộng đất và tài sản của bà Dương Thị Hương ở Gò Công (Tiền Giang) do tác giả sưu tầm.
- (10)(11)(12)(13)(14)(15)(55) Tờ tương phân ruộng đất và tài sản của ông Trần Văn Học ở Chợ Gạo (Tiền Giang) do tác giả sưu tầm.
- (17) Nguyễn Thuỳ Dương: *Kinh tế Hà Tiên Rạch Giá thời Pháp thuộc (1867-1939)*. Tp Hồ Chí Minh, 1997, tr.103.
- (18) Nguyễn Đình Đầu: *Tổng kết nghiên cứu địa bạ Nam Kỳ Lục tỉnh*. Tp Hồ Chí Minh, 1995, tr.142.
- (19) Nguyễn Đình Đầu: *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn: Hà Tiên*. Tp Hồ Chí Minh, 1994, tr.168.
- (21)(54)(59)(70) *Monographie de la province de Go-cong 1936*, tr. 123, 24, 24, 24.
- (22) Thạch Phương Lưu Quang Tuyền (Chủ biên): *Địa chí Long An*, Hà Nội, 1991, tr. 321.
- (24)(26)(37) Trương Ngọc Tường, Nguyễn Ngọc Phan: *Cù lao Năm Thôn*, Tiền Giang 1987, tr. 26, 28, 34.
- (27) Nguyễn Phan Quang Lê Hữu Phước: *Khởi nghĩa Trương Định*. Tp.Hồ Chí Minh, 1988, tr.165.
- (29)(57)(58)(62)(65) Việt Cúc: *Gò Công: Cảnh cũ người xưa*. Tác giả tự xuất bản 1969, tr. 22, 123, 123, 125, 124.
- (30)(31)(34) Nguyễn Liêng Phong: *Nam Kỳ phong tục nhân vật điển ca*. Sài Gòn, 1909, tr. 113.
- (38) Nguyễn Phúc Nghiệp Hoàng Khánh Thu: *Lịch sử xã Hậu Mỹ anh hùng*. Ban Tuyên giáo huyện uỷ Cái Bè 1996, tr. 5.
- (66)(67) Trần Xuân Khiêm: *Nghề nông ở Nam Bộ*. Hà Nội, 1992, tr. 21.